

# TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THEO NGÀNH ĐẾN GIẢM NGHÈO Ở VIỆT NAM

**Phạm Thu Hằng**

*Học viện Ngân hàng*

*Email: ph.thuhang@gmail.com*

**Lê Quốc Hội**

*Trường Đại học Kinh tế quốc dân*

*Email: hoilq@neu.edu.vn*

Ngày nhận: 24/4/2017

Ngày nhận bản sửa: 20/5/2017

Ngày duyệt đăng: 25/6/2017

## **Tóm tắt:**

*Nghiên cứu này xem xét tác động của tăng trưởng kinh tế theo ngành đến giảm nghèo đói ở Việt Nam. Bằng việc sử dụng dữ liệu bảng về tốc độ tăng trưởng của ba khu vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ theo tỉnh/ thành phố từ giai đoạn 2010-2015 và mô hình hệ phương trình, nghiên cứu đã chỉ ra tăng trưởng kinh tế công nghiệp có tác động tích cực và lớn nhất đến giảm nghèo. Ngược lại, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp và dịch vụ cao không đem lại hiệu quả đối với mục tiêu giảm nghèo. Mối tương quan dịch chuyển giữa các ngành qua quá trình đô thị hóa và trình độ dân trí gia tăng cũng có tác động tích cực đến giảm nghèo ở Việt Nam.*

**Từ khóa:** Nghèo, tăng trưởng theo ngành, Việt Nam.

## **The impact of sectoral economic growth on poverty reduction in Vietnam**

### *Abstract:*

*This study examines the impact of sectoral economic growth on poverty reduction in Vietnam. By using panel data on the growth rates of the agricultural, industrial and service sectors in provinces/cities for the period from 2010 to 2015 and simultaneous equations, the research results show that industrial economic growth has a significantly positive influence on poverty reduction. In contrast, high growth rates of agriculture and service are not effective for poverty reduction. The correlation of three sectors in urbanization and the increasing level of literacy also have a positive impact on poverty reduction in Vietnam.*

*Keywords: Poverty, sectoral growth, Vietnam.*

## **1. Giới thiệu**

Trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu về tác động của tăng trưởng kinh tế theo ngành đối với quá trình giảm nghèo. Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, vai trò của các ngành đến giảm nghèo lại có sự khác nhau. Warr & Wang (1999) đã thực hiện nghiên cứu với trường hợp của Đài Loan và chỉ ra rằng ngành công nghiệp có tác động lớn nhất tới quá trình giảm nghèo. Trong khi đó, nghiên cứu của Montalvo & Ravallion (2009) cho thấy Trung Quốc đã gặt hái được nhiều thành công trong công cuộc giảm nghèo nhờ tăng trưởng kinh

tế của ngành nông nghiệp, thay vì vai trò của ngành công nghiệp và dịch vụ. Suryahadi, Suryadarma & Sumarto (2009), khi thực hiện một nghiên cứu khác cho Indonesia, đã tìm hiểu quá trình giảm nghèo dựa trên tăng trưởng độc lập của các ngành và cho kết quả thực nghiệm rằng tăng trưởng của ngành dịch vụ có ảnh hưởng lớn nhất tới việc giảm tỉ lệ nghèo ở khu vực nông thôn. Các nghiên cứu trên hầu hết đều phân tích tác động trực tiếp của cơ cấu tăng trưởng theo ngành đến giảm nghèo, mà chưa xem xét tương tác giữa các ngành có tạo ra những kênh tác động

gián tiếp đến nghèo đói hay không.

Trong suốt giai đoạn từ 2010 đến năm 2015, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua giai đoạn phục hồi sau khủng hoảng và một loạt các chính sách cải cách nền kinh tế đã được đưa vào thực hiện. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng kinh tế biến động khá nhiều và được chia thành hai giai đoạn có xu hướng khác nhau rõ rệt. Từ năm 2010 đến 2012, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm 6,78% trong năm 2010 và xuống thấp nhất ở mức 5,22% trong năm 2012 (Tổng cục thống kê, 2013). Sau đó, xu hướng phục hồi của tăng trưởng kinh tế chung tăng dần lên mức 6,68% vào năm 2015 (Tổng cục thống kê, 2016). Việt Nam được coi là một trong những quốc gia có thành tựu tăng trưởng đáng ghi nhận trong khu vực. Trong đó, tăng trưởng từng ngành kinh tế cũng đạt được nhiều thành tựu.

Xét theo ngành, tổng giá trị đầu ra của ngành công nghiệp tăng mạnh hàng năm trong giai đoạn 2010-2015. Trong thời kỳ này, khu vực Nhà nước tăng 34,6%, khu vực ngoài Nhà nước tăng 137,4% và khu vực có đầu tư nước ngoài tăng 115,1% (Tổng cục thống kê, 2015). Cấu trúc nội bộ ngành công nghiệp biến động theo hướng gia tăng ngành công nghiệp chế biến từ 82% trong năm 2005 đến khoảng 86,3% trong năm 2014 (Tổng cục thống kê, 2015). Cũng như các quốc gia đang phát triển khác, nông nghiệp vẫn được coi là một ngành có lợi thế so sánh của Việt Nam và đóng góp vai trò lớn nhất trong cuộc chiến chống đói nghèo. Việt Nam được coi như một quốc gia nông nghiệp với 24,7 triệu héc-ta (ha) diện tích đất nông nghiệp, rừng và thủy sản, chiếm 74,5% tổng diện tích đất tự nhiên (Tổng cục thống kê, 2016). Đối với Việt Nam, hoạt động nông nghiệp vẫn là hoạt động tạo ra nguồn thu nhập lớn nhất cho các hộ gia đình khu vực nông thôn. Tỷ trọng khu vực dịch vụ có xu hướng giảm, còn 16,32% trong năm 2016 (Tổng cục thống kê, 2016). Không biến động quá nhiều như hai khu vực trên, ngành dịch vụ có xu hướng tăng trưởng khá ổn định và không thay đổi nhiều về tỷ trọng trong giai đoạn này. Năm 2015 tỷ trọng dịch vụ đạt 40,92% (Tổng cục thống kê, 2016).

Bởi Việt Nam là một nước đi sau có mức thu nhập bình quân đầu người thấp, tăng trưởng nhanh luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách của chính phủ Việt Nam. Bên cạnh đó, các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam còn nhấn mạnh mục tiêu xóa đói giảm nghèo và đảm bảo cho mọi người dân đều

được hưởng lợi từ phát triển. Tỷ lệ nghèo đã giảm nhanh từ 58,1% trong năm 1993 xuống còn 7,6% trong năm 2015. Trong thời kỳ 2010 đến 2015, mặc dù cứ 2 năm chuẩn nghèo liên tục được nâng lên, nhưng xu hướng giảm mạnh của nghèo đói vẫn được duy trì. Theo chiến lược giảm nghèo của thiên niên kỷ, thì năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 5,97% - hoàn thành sớm mục tiêu thiên niên kỷ trong xóa đói giảm nghèo.

Vai trò của tăng trưởng kinh tế đến giảm nghèo ở Việt Nam đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu (Lê Quốc Hội, 2009; Hoàng Đức Thân & Đinh Quang Ty, 2010). Tuy nhiên, việc phân tách tăng trưởng sâu hơn để đánh giá vai trò của cơ cấu tăng trưởng đến giảm nghèo vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Câu hỏi đặt ra là tăng trưởng kinh tế theo ngành có tác động đến nghèo đói một cách tích cực hay không? Liệu trong ba ngành thì tác động của ngành nào đến giảm nghèo là lớn nhất?. Bài viết này sẽ đưa ra các trả lời cho các câu hỏi trên.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Tác động của tăng trưởng khu vực nông nghiệp đến giảm nghèo

Vai trò của khu vực nông nghiệp đối với giảm nghèo được thể hiện thông qua ba kênh chính, bao gồm (1) tiền lương cho lao động và việc làm, (2) giá nông sản, (3) hiệu ứng tương tác giữa nông nghiệp và các khu vực khác trên thị trường (Johnston & Mellor, 1961). Kết quả này cũng khá tương đồng với một nghiên cứu lý thuyết khác về các kênh tác động trung gian của nông nghiệp đến nghèo đói, bao gồm: (1) thu nhập của các hộ trong khu vực nông nghiệp, (2) giá nông sản phẩm và (3) thị trường lao động (Bresciani & Valdes, 2007).

*Kênh tác động qua tiền lương và việc làm:* Người nghèo chủ yếu hoạt động nông nghiệp. Tạo ra việc làm ngay trong khu vực nông nghiệp có thể làm giảm tình trạng thiếu việc làm mùa vụ, đây sẽ là cơ sở cho quá trình gia tăng thu nhập cho lao động nghèo (Oshima, 1993). Kênh việc làm và cải thiện thu nhập sẽ tạo ra thành tựu giảm nghèo hiệu quả nhất và bền vững nhất (Bresciani & Valdes, 2007). Đặc biệt, đối với các nền kinh tế trong giai đoạn công nghiệp hóa, sự phát triển công nghệ và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp lại càng thúc đẩy giảm nghèo khu vực này theo cơ chế gia tăng năng suất và thu nhập cho người lao động nghèo ở nông nghiệp (Johnson & cộng sự, 2015).

*Kênh tác động qua giá nông sản:* Các hộ gia đình

nghèo với mức thu nhập thấp sẽ chi dùng phần lớn thu nhập của mình cho việc mua những hàng hóa thiết yếu như nông sản, đáp ứng nhu cầu cơ bản (Engel, 1857). Đối với các nước đang phát triển, các quốc gia đều có tỷ lệ dân số hoạt động trong khu vực nông nghiệp khá cao, do vậy sản phẩm nông nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong giỏ hàng hóa của người tiêu dùng nghèo. Đối với những quốc gia lớn, chỉ với sản phẩm hàng hóa nhập khẩu thì khó có thể đảm bảo cho đời sống dân cư. Chủ yếu nhu cầu thực phẩm sẽ phụ thuộc vào hoạt động nông nghiệp trong nước. Khu vực nông nghiệp cung cấp lương thực, thực phẩm là nhân tố cơ bản để giảm nghèo cho những nước nghèo (Gollin, 2009). Do vậy, việc giá nông sản giảm khi nông nghiệp tăng trưởng cao sẽ khiến các hộ nghèo có điều kiện bảo đảm cuộc sống của mình.

*Kênh tác động qua mối tương tác của khu vực nông nghiệp với các khu vực khác trong nền kinh tế:* Các mối tương tác này thể hiện tác động gián tiếp của tăng trưởng nông nghiệp lên các khu vực khác của nền kinh tế thông qua các mối tương quan mang tính giả thuyết như mối liên hệ tiêu dùng và mối liên hệ năng suất (Johnston & Mellor, 1961). Trước tiên, tăng trưởng nông nghiệp sẽ dẫn tới gia tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp, cải thiện đời sống người nghèo nói chung; từ đó, tăng cầu hàng hóa công nghiệp và dịch vụ, tạo áp lực khiến tăng trưởng hai ngành này. Ngoài mối liên hệ tiêu dùng, tương tác của khu vực nông nghiệp tới các khu vực khác còn thể hiện qua mối liên hệ năng suất. Khu vực nông nghiệp nằm trong chuỗi sản xuất tổng thể của nền kinh tế nên tăng trưởng khu vực nông nghiệp cũng khiến các ngành cung cấp đầu vào và việc bảo đảm đầu ra cho nông nghiệp bị tác động. Như vậy, tăng trưởng nông nghiệp sẽ tác động tới các ngành khác qua các mối liên kết ngành, khiến tăng thu nhập trong cả khu vực công nghiệp và dịch vụ.

## **2.2. Tác động của tăng trưởng khu vực công nghiệp đến giảm nghèo**

Tăng trưởng công nghiệp có thể tác động đến nghèo đói thông qua ba kênh tác động bao gồm: (1) tạo ra việc làm và gia tăng thu nhập, (2) qua sự lan tỏa công nghệ làm gia tăng năng suất lao động, (3) chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

*Kênh qua việc mở rộng việc làm cho lao động trong nền kinh tế:* Bản thân khu vực công nghiệp tăng trưởng sẽ tạo ra cơ hội việc làm cho lao động. Thậm chí nếu tốc độ tăng trưởng của khu vực công

nh nghiệp đủ lớn sẽ có thể thu hút cả những lao động nghèo với mức thu nhập thấp nhất ở khu vực nông nghiệp (Lewis, 1954; Fisher, 1939). Quá trình tăng trưởng công nghiệp sẽ khiến gia tăng thu nhập cho lao động một cách trực tiếp. Thông qua cơ chế tạo việc làm, khu vực công nghiệp có tác động lớn tới giảm nghèo ở cả hai khu vực nông thôn và thành thị. Một số nghiên cứu gần đây đã nhấn mạnh tầm quan trọng của vai trò này trong việc thu hút lao động kém tay nghề nhất và tạo ra cho họ công việc ổn định cũng như lợi ích lớn hơn (Rodrick, 2014).

*Kênh qua hiệu ứng lan tỏa công nghệ:* Tăng trưởng công nghiệp được duy trì và đảm bảo nhờ sự tiến bộ của khoa học công nghệ; ngược lại, tăng trưởng công nghiệp cũng đồng thời kéo theo sự cải tiến về công nghệ và làm lan tỏa công nghệ đến các khu vực khác trong nền kinh tế. Khoa học công nghệ là nhân tố cơ bản nâng cao năng suất lao động giải quyết nguyên nhân sâu xa dẫn tới nghèo đói.

*Kênh qua việc thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế:* Khu vực công nghiệp đóng vai trò như động lực chính cho quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế. Dịch chuyển từ hoạt động kinh tế năng suất thấp dựa trên tăng trưởng nông nghiệp, nông thôn hay dựa trên những dịch vụ phi chính thức sang những hoạt động kinh tế năng suất cao hơn trong khu vực công nghiệp có thể tạo ra tác động bền vững và tích cực đến giảm nghèo. Tại mức tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân thấp, tăng trưởng của những ngành công nghiệp thâm dụng lao động và khả năng tạo ra việc làm cho lao động nghèo ở những ngành này. Đối với những quốc gia thu nhập trung bình, cơ cấu ngành sẽ có xu hướng dịch chuyển từ nhóm ngành công nghiệp thâm dụng lao động giá rẻ sang những ngành công nghiệp sử dụng lao động có trình độ cao hơn. Tại đó, hiệu quả đối với giảm nghèo qua khả năng tạo ra việc làm và nâng cao thu nhập sẽ có hiệu quả hơn so với những tác động lan tỏa.

Trong giai đoạn đầu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các doanh nghiệp thường tập trung ở khu đô thị vì nơi đó dễ dàng thu hút lao động có tay nghề, cơ sở hạ tầng tốt hơn, thị trường lớn và tiếp nhận công nghệ dễ dàng (Lanjouw, 2001). Dịch chuyển cơ cấu ngành cũng có thể làm gia tăng bất bình đẳng giữa nông thôn và thành thị và làm gia tăng nghèo đói nếu khả năng tạo việc làm ở thành thị thấp hơn dòng di dân ồ ạt từ nông thôn ra thành thị (Todaro, 1970). Nhưng ngược lại, nếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế

có tác động tích cực, thúc đẩy hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn, hoặc tăng năng suất lao động khu vực này thì sự dịch chuyển lại có thể làm giảm sự phân hóa giàu - nghèo trong xã hội. Kết quả của việc giảm phân hóa giàu - nghèo chính là sự cải thiện đời sống cho nhóm người nghèo nhất.

### **2.3. Tác động của tăng trưởng khu vực dịch vụ đến giảm nghèo**

Tác động của tăng trưởng khu vực dịch vụ đến giảm nghèo chưa có nhiều nghiên cứu một cách tổng hợp và đầy đủ. Tuy nhiên, có hai kênh tác động đến nghèo đói rõ rệt nhất bao gồm: (1) dịch vụ công sẽ khiến người nghèo cải thiện chất lượng cuộc sống và (2) phát triển dịch vụ ở khu vực thị trường phi chính thức tạo ra nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động nghèo khu vực này.

*Kênh qua sự gia tăng dịch vụ công trong nền kinh tế:* Bàn tới việc góp phần không nhỏ vào giảm nghèo ở những nước đang phát triển hiện nay, phải kể đến vai trò của dịch vụ công trong việc giúp người nghèo tiếp cận những dịch vụ cơ bản trong xã hội như y tế, giáo dục, các dịch vụ hỗ trợ đào tạo và tìm kiếm việc làm,... Những tác động của chính sách hỗ trợ này không ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập nhưng lại góp phần quan trọng cải thiện chất lượng cuộc sống của người nghèo. Trong bối cảnh hiện nay, khi nghèo đói không chỉ xem xét và đánh giá qua thu nhập hoặc chi tiêu so với chuẩn nghèo, mà còn đánh giá đa chiều với nhiều tiêu chí về chất lượng cuộc sống của hộ gia đình, thì dịch vụ công lại càng có ý nghĩa quan trọng.

*Kênh qua mở rộng việc làm cho lao động trên thị trường phi chính thức:* Sự phát triển dịch vụ đặc biệt trong khu vực phi chính thức đã có tác động tăng thu nhập đáng kể cho hộ nghèo. Cơ hội việc làm ở thị trường này khá dễ dàng khi tham gia thị trường này chỉ cần lượng vốn nhỏ, không yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật, và không có rào cản khi gia nhập thị trường. Điều này khiến thị trường này thu hút số lượng lớn lao động nghèo. Trước tiên, thu nhập của lao động thành thị phi chính thức tăng, khiến giảm nghèo ở thành thị. Bên cạnh đó, một phần lợi nhuận thu được thường sẽ được gửi về cho các thành viên trong gia đình vẫn còn ở khu vực nông thôn. Tác động này cũng có ý nghĩa tích cực trong việc giảm nghèo không chỉ ở thành thị mà còn ở nông thôn.

### **2.4. Tác động của tăng trưởng kinh tế theo ngành đến giảm nghèo trong mỗi tương tác tổng thể trong nền kinh tế**

Như đã đề cập, tăng trưởng kinh tế theo ngành không tác động đến nghèo đói một cách rời rạc. Đối với những nước đang phát triển trong giai đoạn công nghiệp hóa, những tương tác này biến đổi khá mạnh mẽ thông qua quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp, và từ khu vực nông thôn sang khu vực thành thị tạo ra xu hướng đô thị hóa.

Xu hướng đô thị hóa diễn ra ở các nước đang phát triển tác động rất lớn đến nghèo đói chung, và cả nghèo đói ở từng khu vực nông thôn, thành thị nói riêng. Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp ở nông thôn sẽ có tác động giảm nghèo, nhưng chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp ở thành thị lại có thể khiến tỷ lệ nghèo đói gia tăng (Christiaensen & Todo, 2008). Quá trình chuyển dịch lao động này cũng có thể tạo ra thêm việc làm cho người nghèo, đóng góp vào quá trình giảm nghèo và giảm bất bình đẳng theo vùng và theo ngành (Dollar & Kraay, 2002). Bàn về vấn đề dịch chuyển lao động, các nghiên cứu lý thuyết đều xoay quanh hai hiệu ứng “kéo” và “đẩy” đối với lực lượng lao động. Giả thuyết thứ nhất nhấn mạnh vào xu hướng tăng trưởng năng suất trong khu vực nông nghiệp sẽ tạo ra việc làm (Rostow, 1960; Matsuyama, 2009; Gollin & cộng sự, 2007; Ngai & Pissarides, 2007). Mặt khác, quan điểm thứ hai cho rằng, tăng trưởng các ngành phi nông nghiệp sẽ tạo ra sức hút đối với lao động nông nghiệp, khiến lao động này dịch chuyển sang những ngành khác (Lewis, 1954; Hansen & Prescott, 2002; Vollrath & cộng sự, 2009). Tuy nhiên, tác động của quá trình chuyển dịch lao động này cũng khá phức tạp, phụ thuộc lớn khả năng khả năng tiếp cận của người nghèo.

Ngoài những tác động kinh tế theo ngành thì nghèo đói còn bị tác động bởi các nhân tố quyết định đến khả năng tiếp cận các kênh giảm nghèo. Nổi bật nhất trong các nhân tố này, trình độ dân trí được đánh giá là nhân tố quan trọng nhất (Goode, 1959; Schultz, 1961; Khilji, 2005). Phát triển giáo dục và tăng đầu tư cho giáo dục cả về chất lượng và số lượng để nâng cao trình độ dân trí đều có tác động lớn đến giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế (Chaudhry & Rehman, 2009; Santos, 2009) thông qua việc nâng cao chất lượng của lao động. Đối với từng ngành, tác động của giáo dục cũng khác biệt. Trong khu vực nông nghiệp, đa phần lao động chưa qua đào tạo, tiêu chí thể hiện cho mức độ giáo dục rõ nhất là tỷ lệ dân số biết chữ. Tuy nhiên, đối với khu



vực công nghiệp, mức độ giáo dục đóng góp cho tăng trưởng công nghiệp thể hiện rõ nét nhất thông qua chỉ tiêu đo lường số lao động đã qua đào tạo.

### 3. Mô hình ước lượng và số liệu

Kế thừa từ nghiên cứu có đề cập và giải quyết vấn đề nội sinh trong tác động của tăng trưởng kinh tế theo ngành đến giảm nghèo (Allen, 2004), mô hình ước lượng được xây dựng gồm 4 phương trình đồng thời giải thích cho 4 biến nội sinh bao gồm: tỷ lệ nghèo đói (POV), tăng trưởng khu vực nông nghiệp (AGRI), tăng trưởng khu vực công nghiệp (IND) và đô thị hóa (URB). Các biến ngoại sinh bao gồm: tăng trưởng khu vực dịch vụ (SEV), tỷ lệ biết chữ ở người trưởng thành (LIT), tỷ lệ đất nông nghiệp bình quân cho mỗi lao động nông nghiệp (TL), tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (LAB\_EDU), tỷ lệ lao động có việc làm (LAB\_WK), dân số (POP), tỷ lệ lao động hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn (LAB\_NA), chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo ngành (STRUC).

Tác động của tăng trưởng kinh tế theo ngành đến giảm nghèo sẽ được đánh giá qua mô hình hệ phương trình gồm 4 phương trình đồng thời như sau:

Phương trình đánh giá tác động của tăng trưởng kinh tế theo ngành đến nghèo đói:

$$POV_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 * AGRI_{it} + \alpha_2 * IND_{it} + \alpha_3 * SEV_{it} + \alpha_4 * LIT_{it} + \alpha_5 * URB_{it} + \alpha_6 * LAB\_WK_{it} + v \quad (1)$$

Phương trình đánh giá tác động tới khu vực nông nghiệp:

$$AGRI_{it} = \beta_0 + \beta_1 * POV_{it} + \beta_2 * IND_{it} + \beta_3 * SEV_{it} + \beta_4 * TL_{it} + \beta_5 * URB_{it} + \mu \quad (2)$$

Phương trình đánh giá tác động đến khu vực công nghiệp:

$$IND_{it} = \gamma_0 + \gamma_1 * AGRI_{it} + \gamma_2 * SEV_{it} + \gamma_3 * LAB\_EDU_{it} + \gamma_4 * URB_{it} + \gamma_5 * STRUC_{it} + \lambda \quad (3)$$

Phương trình đánh giá tác động đến đô thị hóa:

$$URB_{it} = \delta_0 + \delta_1 * AGRI_{it} + \delta_2 * IND_{it} + \delta_3 * SEV_{it} + \delta_4 * POP_{it} + \delta_5 * LAB\_NA_{it} + \xi \quad (4)$$

Trong đó:

POV là tỷ lệ nghèo đói của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ . Tỷ lệ nghèo đói được xác định bằng tỷ lệ hộ gia đình sống dưới chuẩn nghèo (trong đó chuẩn nghèo được tính theo thu nhập hoặc chi tiêu và chuẩn nghèo thay đổi theo các ngưỡng như đã trình bày và có sự khác biệt giữa các tỉnh/thành phố). Số liệu về nghèo đói được Tổng Cục thống kê Việt Nam công bố hàng năm trong hệ thống số liệu điều tra hàng năm và số liệu điều tra hộ gia đình. Số liệu nghèo đói có một

vài đặc điểm như sau: số liệu cấp tỉnh từ năm 2010 đến năm 2015. Trong khoảng thời gian này, chuẩn nghèo liên tục được điều chỉnh tăng lên trong những năm 2010, 2012 và 2014. Số liệu nghèo các tỉnh/thành phố được tính toán theo chuẩn riêng của tỉnh/thành phố nếu có.

AGRI, IND, SEV là tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ . Giá trị sản lượng các khu vực được tính dựa trên giá trị gia tăng và theo giá so sánh.

LIT là tỷ lệ biết chữ ở tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ . Chỉ số này là tỷ lệ giữa số người 15 tuổi trở lên biết chữ tại thời điểm  $t$  (có thể đọc, viết và hiểu được một câu đơn giản bằng chữ quốc ngữ, chữ dân tộc hoặc chữ nước ngoài) so với tổng dân số 15 tuổi trở lên tại thời điểm đó.

URB là tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ . Chỉ số được tính qua tỷ lệ của dân số sống ở khu vực đô thị so với tổng dân số của tỉnh tại thời điểm  $t$ .

TL là tỷ lệ đất nông nghiệp bình quân trên mỗi lao động hoạt động trong khu vực nông nghiệp của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ .

LAB\_WK là tỷ lệ lao động có việc làm của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ . Biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm tổng số người trong độ tuổi lao động có việc làm/làm việc chiếm trong tổng dân số trong độ tuổi lao động.

LAB\_EDU là tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ . Chỉ số được tính qua số lao động đang làm việc đã qua đào tạo chiếm trong tổng số lao động đang làm việc trong kỳ. Số lao động đang làm việc đã qua đào tạo bao gồm những người thỏa mãn cả hai điều kiện sau đây: (1) là người lao động đang làm việc trong nền kinh tế, (2) Là người đã được đào tạo ở một trường hay một cơ sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ đã tốt nghiệp, được cấp bằng/chứng chỉ chứng nhận đã đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhất định, bao gồm: sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và trên đại học.

LAB\_NA là tỷ lệ lao động hoạt động phi nông nghiệp trong khu vực nông nghiệp của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ , được tính bằng tỷ lệ lao động hoạt động phi nông nghiệp trên tổng số lao động khu vực nông nghiệp.

POP là dân số của tỉnh  $i$  tại thời điểm  $t$ .

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu bao gồm số liệu của 63 tỉnh/thành phố ở Việt Nam trong giai đoạn 2011 đến 2015.

**Bảng 1: Kết quả ước lượng hệ phương trình đồng thời**

Phương trình	(1)	(2)	(3)	(4)
Biến phụ thuộc	POV	AGRI	IND	URB
<b>Biến giải thích</b>				
POV	-	,336*** (,091)	-	-
AGRI	2,109*** (,364)	-	,531* (,398)	2,172 (1,402)
IND	-2,272*** (,555)	1,344*** (,365)	-	-4,016*** (,763)
SEV	,224* (,378)	-,293 (,256)	,357 (,259)	1,409** (,809)
URB	-4,01*** (,115)	,3132*** (,067)	-,267*** (,042)	-
LIT	-,402*** (,147)	-	-	-
LAB_WK	,020 (,177)	-	-	-
LAB_EDU	-	-	,011 (,068)	-
LAB_NA	-	-	-	,130 (,111)
TL	-	-2,154 (1,345)	-	-
POP	-	-	-	,000 (,001)
STRUC	-	-	-,093* (,165)	-
<b>Cons</b>	59,826 (16,211)	-11,780*** (3,054)	7,303*** (1,552)	21,682*** (5,854)

\*, \*\*, \*\*\* là mức ý nghĩa với 10%, 5% và 1% tương ứng.

Biến nội sinh: pov, agri, ind, urb.

Biến ngoại sinh: sev lit lab\_wk tl lab\_edu struc pop lab\_na.

#### 4. Kết quả ước lượng

Qua việc sử dụng mô hình hệ phương trình đồng thời như đã trình bày ở phần 3, kết quả ước lượng thu được thể hiện ở Bảng 1.

Kết quả ước lượng cho thấy trong cơ cấu ba khu vực, duy nhất tăng trưởng công nghiệp có tác động tích cực đến giảm nghèo. Mỗi phần trăm tăng trưởng công nghiệp khiến tỷ lệ nghèo giảm đi 2,27%. Các kết quả thu được ở Bảng 1 có những điểm khá thống nhất với thực tế Việt Nam trong những năm gần đây. Cụ thể, tăng trưởng khu vực công nghiệp có tác động mạnh mẽ nhất đến giảm nghèo. Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với Việt Nam trong bối cảnh đang thực hiện cùng lúc ba mục tiêu bao gồm tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo xu hướng công nghiệp hóa

và mục tiêu giảm nghèo. Kết luận này cũng tương đồng với một số nghiên cứu khác về nghèo đói ở một số quốc gia đang phát triển khác như Trung Quốc, Indonesia (Montalvo & Ravallion, 2006; Suryahadi, Suryadarma & Sumarto, 2009; Warr, 2009). Điều này có thể thấy khá rõ nét trong thực tế, khi Việt Nam đang theo đuổi mục tiêu công nghiệp hóa, sự tăng trưởng và phát triển của ngành công nghiệp sẽ tác động tới nghèo đói thông qua một số kênh như sau: (1) tăng trưởng công nghiệp sẽ tạo ra nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp thông qua các mối liên kết ngành kinh tế, (2) công nghiệp hóa trong nông nghiệp và khu vực nông thôn khiến tăng năng suất lao động khu vực nông nghiệp, cơ sở để bảo đảm tăng thu nhập, tiền lương cho lao động khu vực này, (3) công nghiệp hóa diễn ra bắt đầu từ những ngành thâm dụng lao động khiến lao động có xu hướng

dịch chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp. Xu hướng này tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nghèo ở khu vực nông thôn thoát nghèo bền vững.

Một điểm đáng chú ý là tăng trưởng nông nghiệp lại có tác động xấu đến mục tiêu giảm nghèo. Kết quả này có sự khác biệt so với nhiều nghiên cứu về nghèo đói ở Việt Nam từ trước đến nay. Nhiều nghiên cứu về nghèo đói ở Việt Nam đều cho thấy vai trò khu vực nông nghiệp trong xóa đói giảm nghèo, đặc biệt ở khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa (Cervantes-Godoy & Dewbry, 2010) và tăng trưởng trong năng suất lao động và giá trị sản lượng khu vực nông nghiệp là nguyên nhân cơ bản khiến giảm nghèo nông thôn (Nguyễn Thắng & cộng sự, 2011). Tuy nhiên, tăng trưởng nông nghiệp không phải là điều kiện đủ để giảm nghèo, nhất là nghèo đói trên diện rộng. Tăng trưởng nông nghiệp nhanh gắn liền với ứng dụng khoa học công nghệ, có thể tạo ra hiệu ứng đẩy lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp khá mạnh. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng và tạo việc làm của khu vực công nghiệp chưa đáp ứng đủ để giải quyết việc làm cho những lao động này. Kết quả là, người lao động không được đào tạo càng khó khăn trong việc tìm được một việc làm phù hợp và ổn định. Lao động này dễ dàng gia nhập thị trường phi chính thức ở thành thị và rơi vào tình trạng nghèo đói. Người nghèo tập trung chủ yếu ở nông thôn và hoạt động nông nghiệp; do đó sự cải thiện trong tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp có thể sẽ khiến hiệu ứng đẩy lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp khá lớn và có thể làm gia tăng tình trạng nghèo đói.

Tương tự như khu vực nông nghiệp, khu vực dịch vụ cũng có mối tương quan với giảm nghèo ở Việt Nam, nhưng lại có tác động ngược lại. Kết luận thực nghiệm này có thể được lý giải qua một vài vấn đề như sau: Thứ nhất, quá trình công nghiệp hóa dẫn tới di dân ồ ạt từ nông thôn ra thành thị, mà đa phần người dân di cư là lao động nghèo. Khu vực nông nghiệp bị thu hẹp tương đối khiến lao động di cư sẽ khó có cơ hội quay lại khu vực nông nghiệp. Do vậy, để tồn tại ở thành thị, lượng lớn lao động di cư này sẽ tham gia vào thị trường phi chính thức mà hoạt động chủ yếu ở khu vực dịch vụ. Thứ hai, một thành phần quan trọng trong khu vực dịch vụ, có tác động rất lớn đến giảm nghèo đó là dịch vụ công trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục. Tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách về dịch vụ công đối với đời sống người nghèo không duy trì được hiệu quả và dài hạn, dẫn đến tình trạng tái nghèo khá cao. Hơn

nữa, hoạt động chi công cho hỗ trợ người nghèo còn chưa được thực hiện minh bạch và hiệu quả dẫn đến khoản chi lớn nhưng hiệu quả trực tiếp tới người nghèo chưa cao. Thứ ba, về cơ bản, chưa có môi trường làm việc tốt trong khu vực dịch vụ để người lao động nghèo có thể được đào tạo, tìm kiếm việc làm ổn định cho mình. Chủ yếu khu vực dịch vụ ở thị trường phi chính thức phát triển và thu hút lao động nghèo nhiều hơn so với khu vực chính thức.

Ngoài tăng trưởng kinh tế theo ngành tác động đến giảm nghèo, hai yếu tố có tác động khá rõ rệt khác là tỷ lệ đô thị hóa và trình độ dân trí đều có tác động tích cực đến giảm nghèo. Tỷ lệ đô thị hóa tăng 1% khiến tỷ lệ nghèo giảm 0,401%. Tỷ lệ dân số biết chữ gia tăng 1% tương ứng khiến nghèo đói giảm 0,402% và tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế lại không có tác động tới nghèo đói. Điều này phản ánh thực tế người lao động nghèo ở khu vực nông thôn muốn tìm được cơ hội việc làm tốt hơn sẽ lựa chọn xu hướng di cư ra các khu đô thị tìm việc. Lao động làm việc ở khu vực thành thị có thể gia tăng thu nhập cho bản thân và có xu hướng gửi tiền về cho người thân ở nông thôn. Như vậy, thông qua tác động trực tiếp và gián tiếp, quá trình đô thị hóa cũng có tác động tích cực đối với việc tạo ra thu nhập cho chính bản thân lao động nghèo và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của các hộ gia đình nghèo ở nông thôn có người lao động làm ăn xa tại khu vực thành thị.

Tương tự, yếu tố đô thị hóa, trình độ dân trí có tác động tích cực đến giảm nghèo và là một trong những nhân tố có thể khiến giảm nghèo bền vững trong dài hạn. Vấn đề dân trí và nhận thức của người nghèo là nguyên nhân gốc rễ cản trở quá trình giảm nghèo. Khu vực nông nghiệp nông thôn ngày càng được cơ giới hóa sâu rộng, khu vực thành thị đòi hỏi lao động ngày càng có tay nghề tốt hơn, ý thức lao động cao hơn. Điều này tạo ra áp lực khiến chất lượng lao động phải cải thiện thông qua giáo dục và đào tạo. Hơn nữa, người nghèo cần thoát khỏi tình trạng cố hữu chính là tâm lý không muốn thoát nghèo để được thụ hưởng những lợi ích từ hỗ trợ của Chính phủ cho hộ nghèo. Do đó, việc nâng cao dân trí góp phần đặt nền tảng vững chắc cho quá trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu này đã đưa ra một kênh diễn giải tác động gián tiếp của tăng trưởng kinh tế theo ngành đến giảm nghèo ở Việt Nam. Trên cơ sở kế thừa từ

những nghiên cứu trước và dựa trên một số giả định, mô hình tác động của tăng trưởng kinh tế theo ngành đến giảm nghèo được xây dựng theo phương pháp hệ phương trình đồng thời. Từ đó bài viết đánh giá tác động của từng ngành đến giảm nghèo trong mối tương quan chung của các ngành trong nền kinh tế.

Từ những kết quả nghiên cứu trên cũng có thể gợi mở một số chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo ngành phù hợp, sao cho tác động tích cực đến giảm nghèo. Thúc đẩy quá trình công nghiệp

hóa, gia tăng khu vực công nghiệp, tăng khả năng tạo việc làm khu vực này nhằm giải quyết vấn đề lao động dịch chuyển từ khu vực nông nghiệp. Mặt khác, quản lý các khu vực dịch vụ ở thị trường phi chính thức để có thể nâng cao đời sống người nghèo khu vực này. Ngoài ra, Chính phủ cũng cần tăng cường các giải pháp chính sách nhằm giảm nghèo và đầu tư cho giáo dục nâng cao dân trí, tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đến các phương thức thoát nghèo.

### Tài liệu tham khảo

- Allen, C.R. (2004), *Progress and poverty in Early Modern Europe*, Nuffield College, New Road Oxford, OX1 1NF.
- Bresciani, F. & A. Valdés (2007), *Beyond food production: The Role of Agriculture in Poverty Reduction*, FAO, Rome.
- Cervantes-Godoy, D. & Dewbre, J. (2010), 'Economic importance of agriculture for poverty reduction', *Agriculture and fisheries working papers no. 23*, OECD Food.
- Chaudhry, I.S. & Rahman, S. (2009), 'The impact of gender inequality in education on rural poverty in Pakistan: An empirical analysis', *European Journal of Economics, Finance and Administrative Sciences*, 15, 174-188.
- Christiaensen, L. & Todo, Y. (2008), *Poverty reduction during the rural-urban transformation – the role of the missing middle*, The World Bank Group.
- Dollar, D. & Kraay, A. (2002), 'Growth is good for the poor?', *Journal of Economic Growth*, 7(3), 195-225.
- Engel, E. (1857), 'Die produktions- und konsumtionsverhältnisse des Königreichs Sachsen', *Zeitschrift des Statistischen Büreaus des Königlich Sächsischen Ministeriums des Innern*, 8 & 9, 1-54.
- Fisher, B. & Allan, G. (1939), 'Production, primary, secondary and tertiary', *Economic Record*, 15(1), 24-38.
- Gollin, D. (2009), 'Agriculture as an engine of growth and poverty reduction: What we know and what we need to know', a framework paper for the African Economic Research Consortium Project on "Understanding links between growth and poverty reduction in Africa", African Economic Research Consortium, Nairobi.
- Gollin, D., Parente, S. & Rogerson, R. (2007), 'The food problem and the evolution of international income levels', *Journal of Monetary Economics*, 54(4), 1230-1255.
- Goode, R.B. (1959), 'Adding to the stock of physical and human capital', *American Economic Review*, 49(2), 147-155.
- Hansen, G. & Prescott, E. (2002), 'Malthus to Solow', *American Economic Review*, 92(4), 1205-1217.
- Harris, John R. & Todaro, Michael P. (1970), 'Migration, unemployment and development: A two-sector analyses', *American Economic Review*, 60(1), 126-142.
- Hoàng Đức Thân & Đinh Quang Ty (2010), *Tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam*, Hà Nội: NXB Chính trị Quốc Gia.
- Johnson, M., Omilola, B., Flaherty, K., Makombe, T., MacNeil, M. & Horowitz, L. (2015), *Monitoring agriculture sector performance, growth and poverty in Africa*, Washington DC, USA.
- Johnston, Bruce F. & Mellor, John W. (1961), 'The role of agriculture in economic development', *American Economic Review*, 51(4), 566-593.
- Khilji, B.A. (2005), 'Education as a factor of human capital formation in Pakistan (1951-1998): Review', *Journal of agriculture and social sciences*, 1(2), 180-186.
- Lanjouw, J. & Lanjouw, P. (2001), 'The rural non-farm sector: issues and evidence from developing countries', *The journal of the international association of agricultural economics*, 26(1), 1-23.
- Lê Quốc Hội (2008), *The linkages between growth, poverty and inequality in Vietnam: An empirical analysis*, Australia: School of Economics, University of Adelaide.



- Lewis, W.A. (1954), 'Economic development with unlimited supplies of labour', *Manchester School*, 22(2), 139-191.
- Matsuyama, K. (2009), 'Structural change in an interdependent world: A global view of manufacturing decline', *Journal of the European Economic Association*, 7(2-3), 478-486.
- Montalvo, J.G. & Ravallion, M. (2009), 'The pattern of growth and poverty reduction in China', *Policy Research Working Paper 5069*, World Bank.
- Ngai, L. & Pissarides, C. (2007), 'Structural change in a multisector model of growth', *American Economic Review*, 97(1), 429-443.
- Nguyễn Thắng, Nguyễn Thị Thu Phương, Trần Ngô Minh Tâm, Lê Đăng Trung & Nguyễn Thị Thu Hằng (2011), *Giảm nghèo ở Việt Nam: thành tựu và thách thức*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
- Oshima, H. (1993), *Strategic processes in Monsoon Asia's economic development*, The Johns Hopkins University Press, Baltimore.
- Rodrick, D., McMillan M. & Gallo, V. (2014), 'Globalization, structural change, and productivity growth, with an update on Africa', *World Development*, 63, 11-32.
- Rostow, W. (1960), *The stages of economic growth: A non-communist manifesto*, Cambridge, UK: Cambridge Univ. Press.
- Santos, M.E. (2009), 'Human capital and the quality of education in poverty trap model poverty', *OPHI working paper no. 30*, Oxford Poverty & Human Development Initiative.
- Schultz, T.W. (1961), 'Investment in human capital', *American Economic Review*, 51(1), 1-17.
- Suryahadi, A., Suryadarma, D., Sumarto, S. (2009), 'The effects of location and sectoral components of economic growth on poverty: Evidence from Indonesia', *Journal of Development Economics*, 89(1), 109-117.
- Tổng cục thống kê Việt Nam (2010-2015), *Niên giám thống kê năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Hà Nội.
- Vollrath, T., Gehlhar, M. & Hallahan, A. (2009), 'Bilateral import protection, free trade agreements, and other factor influencing trade flows in agricultural and clothing', *Journal of Agricultural Economics*, 60(2), 298-317.
- Warr, P.G., Wang, W.T. (1999), 'Poverty, inequality and economic growth in Taiwan, The political Economy of Taiwan's Development into the 21<sup>st</sup> Century', in *The Political economy of Taiwan's development into the Twenty-first Century: Essays in memory of John C.H. Fei.*, Ranis, G., Hu, S.C. & Chu, Y.P.(eds.), Cheltenham, UK: Edward Elgar.